

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hằng

2. Bà Dương Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị ĐKHKTT: 24/30 Đ, phường C, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: 8/75A T, tổ dân phố Số X, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, sinh năm 1983, ĐKHKTT: 24/30 Đ, phường C, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: 8/75A T, tổ dân phố Số X, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức B, sinh năm 1967, ĐKHKTT: 24/30 Đ, phường C, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: 8/75A T, tổ dân phố Số X, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2023, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng năm 2003. Thời gian đầu anh chị chung sống hoà thuận, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh B là người không tôn trọng vợ con, gia trưởng ghen tuông và thường xuyên gây sự vô cớ. Nhiều lần chị T bị anh B đánh đập, có lần anh đánh chị thành tật không thể phục hồi trước mặt các con. Đến năm 2020, anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; khiến chị không muốn tiếp tục chung sống và nhìn thấy anh Bấu hằng ngày nên đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở. Mặc dù anh B đã gặp để xin lỗi chị nhiều lần nhưng chị không đồng ý do những tổn thương anh B gây ra quá sức chịu đựng của chị. Vì hai con còn đang tuổi đi học cần có sự chăm sóc hàng ngày của chị, nên chị trở về nhà sinh sống. Mặc dù anh chị sống cùng nhà, nhưng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn với anh Phạm Đức B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Phạm Thị Thùy P sinh ngày 10/12/2003 và Phạm Đức C sinh ngày 07/7/2005. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung Đức C cho anh B nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Con chung Thùy P đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T nhận nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Anh Phạm Đức B trình bày tại Biên bản lấy lời khai như sau:

Anh Bấu xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Trong cuộc sống, anh và chị T không tránh khỏi phát sinh mâu thuẫn do những áp lực về kinh tế, làm ăn dẫn đến vợ chồng đều nóng nảy, khiến nhiều khi anh chị xảy ra xô xát. Trong lúc nóng giận anh cũng có đánh chị T. Sau những mâu thuẫn phát sinh, anh cũng đã nhiều lần tâm sự với chị Thảo, anh có một phần lỗi lầm khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nhưng anh hy vọng chị T cho anh cơ hội để vợ chồng quay về chung sống hòa thuận để anh có thời gian lo công việc cũng như chăm sóc con chung. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Thị Thùy P sinh năm 2003 và Phạm Đức C sinh năm 2005. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn, anh đề nghị giao con Đức C cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

về cấp dưỡng nuôi con. Con chung Thùy P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp, hoà giải và tại phiên tòa anh B đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, biên bản làm việc và trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương, đại diện gia đình thể hiện: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận. Khoảng 10 năm nay, mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do những bất đồng trong lối sống, suy nghĩ và tình cảm vợ chồng, hơn nữa anh Bấu thường xuyên đánh đập chị Thảo. Mặc dù mâu thuẫn anh chị được đoàn thể và gia đình động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Năm 2020 anh có quan hệ với người phụ nữ khác khiến mâu thuẫn anh chị trở lên trầm trọng, hai người sống ly thân nhau từ đó. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật, quan điểm của gia đình căn cứ vào nguyện vọng của chị T để giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị T ly hôn anh Phạm Đức B.

Về con chung: Giao con chung Phạm Đức C sinh ngày 07/7/2005 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Phạm Thị Thùy P sinh đã thành niên nên không xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị T có đơn xin ly hôn anh Phạm Đức B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Phạm Đức B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Đỗ Thị T vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 02/12/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, khoảng 10 năm trở lại đây mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do anh chị có những bất đồng trong lối sống, suy nghĩ và tình cảm vợ chồng, hơn nữa anh Bá thường xuyên đánh đập chị T. Mặc dù mâu thuẫn anh chị được đoàn thể và gia đình động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Năm 2020 anh có quan hệ với người phụ nữ khác khiến mâu thuẫn trở lên trầm trọng, hai người sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai từ đó đến nay.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B và tiến hành hòa giải nhưng anh Bá không tham dự hòa giải theo triệu tập của Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Bá vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, là tự từ bỏ quyền lợi của mình

trước tòa, đồng thời thể hiện anh B không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Phạm Văn B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh chị có 02 con chung Phạm Đức C sinh ngày 07/7/2005 và Phạm Thị Thùy P sinh ngày 10/12/2003. Anh B và chị T đều thống nhất giao con chung Đức C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, kể từ thời điểm anh chị ly thân đến nay, cháu Đức C vẫn sinh hoạt học tập ổn định cùng anh B. Việc giao cháu Đức C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cả hai anh chị và nguyện vọng của cháu C do đó, yêu cầu giao con chung của chị T là có căn cứ cần được chấp nhận. Đối với con chung Phạm Thị Thùy P đã thành niên nên HĐXX không xét giải quyết.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị T ly hôn anh Phạm Đức B.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Đức C sinh ngày 07/7/2005 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004858 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị T và anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, TP Hải Phòng; (ĐKKH ngày 02/12/2003)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thường